

Soạn bài Những yêu cầu về sử dụng Tiếng Việt - Ngữ văn lớp 10

I. Sử dụng đúng theo các chuẩn mực của Tiếng Việt

1. Về ngữ âm và chữ viết.

a) Hãy phát hiện lỗi về chữ viết và chữa lại cho đúng:

- *Không giặt quần áo ở đây*

- *Khi sân trường khô ráo, chúng em chơi đá cầu hoặc đánh bi.*

- *Tôi không có tiền lẻ, anh làm ơn đổi cho tôi.*

Trả lời

- Không giặt quần áo ở đây. (từ "giặt" nói và viết sai phụ âm cuối)

- Khi sân trường khô ráo, chúng em chơi đá cầu hoặc đánh bi. (từ "ráo" nói và viết sai phụ âm đầu)

- Tôi không có tiền lẻ, anh làm ơn đổi cho tôi. (từ "lẻ" và "đổi" sai dấu thanh => "lè", "đôi")

b) Đọc đoạn hội thoại trang 65, SGK và phân tích sự khác biệt của những từ phát âm theo giọng địa phương so với những từ tương ứng trong ngôn ngữ toàn dân.

Trả lời:

Người Bắc phát âm theo giọng địa phương nên có nhiều âm khác với cách phát âm chung trong ngôn ngữ toàn dân:

- *dưng mà* = nhưng mà

- *giời* = trời

- *bầu* = bảo

- *mờ* = mà

2. Về từ ngữ

a) Hãy phát hiện và chữa lỗi về từ ngữ trong các câu sau:

- *Khi ra pháp trường, anh ấy vẫn hiên ngang đến phút chót lợt*

Soạn bài Những yêu cầu về sử dụng Tiếng Việt - Ngữ văn lớp 10

- Những học sinh trong trường sẽ hiểu sai vấn đề mà thầy giáo truyền tụng
- Số người mắc và chết các bệnh truyền nhiễm đã giảm dần.
- Những bệnh nhân không cần phải mổ mắt được khoa dược tích cực pha chế, điều trị bằng những thứ thuốc tra mắt đặc biệt.

Trả lời:

- Câu 1: “chót lọt” sửa là “chót”
- Câu 2: “truyền tụng” sửa là “truyền đạt, truyền thụ”
- Câu 3: sửa thành "số người mắc các bệnh truyền nhiễm và chết (vì các bệnh truyền nhiễm) đã giảm dần".
- Câu 4: sửa là: "Những bệnh nhân không cần phải mổ mắt được điều trị tích cực bằng thuốc tra mắt đặc biệt mà khoa dược đã pha chế”.

b) Lựa chọn những câu dùng từ đúng trong các câu sau:

- Anh ấy có một yếu điểm: không quyết đoán trong công việc.
- Điểm yếu của họ là thiếu tinh thần đoàn kết
- Bọn giặc đã ngoan cố chống trả quyết liệt.
- Bộ đội ta đã ngoan cường chiến đấu trong suốt một ngày đêm.
- Tiếng Việt rất giàu âm thanh và hình ảnh, cho nên có thể nói đó là thứ tiếng rất linh động, phong phú.

Trả lời:

Câu đúng là các câu 2,3,4

Câu 1 sai từ “yếu điểm”, chữa thành “điểm yếu”.

Câu 2 sai từ “linh động”, chữa thành “sinh động”.

3. Về ngữ pháp

a) Phát hiện và sửa lỗi về ngữ pháp trong các câu sau:

Soạn bài Những yêu cầu về sử dụng Tiếng Việt - Ngữ văn lớp 10

- Qua tác phẩm "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố đã cho thấy hình ảnh người phụ nữ nông thôn trong chế độ cũ. (1)

- Lòng tin tưởng sâu sắc của những thế hệ cha anh vào lực lượng măng non và xung kích sẽ tiếp bước mình. (2)

Trả lời:

- Câu (1), người viết không phân định rõ các thành phần trạng ngữ và chủ ngữ. Kiểu sai này có những cách chữa như sau:

+ Cách thứ nhất: bỏ từ "Qua" ở đầu câu.

+ Cách thứ hai: bỏ từ "của" và thay vào đó bằng dấu phẩy.

- Ở câu (2), cả câu chỉ là một cụm danh từ được phát triển dài mà chưa đủ các thành phần chính. Kiểu sai này có những cách chữa như sau:

+ Thêm chủ ngữ thích hợp, ví dụ "Đó là lòng tin tưởng ..."

+ Thêm vị ngữ thích hợp, ví dụ "Lòng tin tưởng ... đã được biểu hiện trong tác phẩm".

b) Lựa chọn những câu văn đúng trong các câu:

- Có được ngôi nhà đã làm cho bà sống hạnh phúc hơn. (1)

- Ngôi nhà đã làm cho bà sống hạnh phúc hơn. (2)

- Có được ngôi nhà, bà đã sống hạnh phúc hơn. (3)

- Ngôi nhà đã mang lại niềm vui, hạnh phúc cho cuộc sống của bà. (4)

Trả lời:

Các câu đúng là (2), (3), (4).

Câu (1) "Có được ngôi nhà đã làm cho bà sống hạnh phúc hơn." sai vì không phân định rõ thành phần phụ ở đầu câu với chủ ngữ.

c) Từng câu trong đoạn văn sau (SGK, tr.66) đều đúng, nhưng đoạn văn vẫn không có được tính thống nhất, chặt chẽ. Hãy phân tích lỗi và chữa lại.

Trả lời:

Soạn bài Những yêu cầu về sử dụng Tiếng Việt - Ngữ văn lớp 10

Cái sai của đoạn văn chủ yếu ở mối liên hệ, liên kết giữa các câu. Sự sắp xếp các câu lộn xộn, thiếu logic. Cần sắp xếp lại các câu, các vế câu và thay đổi một số từ ngữ để ý của đoạn mạch lạc, phát triển hợp lý. Có thể sửa như sau:

Thúy Kiều và Thúy Vân đều là con gái của ông bà Vương viên ngoại. Họ sống êm đềm dưới một mái nhà, hòa thuận và hạnh phúc cùng cha mẹ. Họ đều xinh đẹp tuyệt vời. Thúy Kiều là một thiếu nữ tài sắc vẹn toàn. Vẻ đẹp của nàng khiến hoa cũng phải ghen, liễu cũng phải hờn. Còn Thúy Vân có nét đẹp đoan trang, thùy mị. Về tài thì Kiều hơn hẳn Thúy Vân nhưng nàng đâu có được hưởng hạnh phúc.

4. Về phong cách ngôn ngữ

a) Phân tích và chữa lại những từ dùng không phù hợp với phong cách ngôn ngữ.

- Trong biên bản về một vụ tai nạn giao thông:

Hoàng hôn, ngày 25 - 10 lúc 17h30, tại km quốc lộ 1A đã xảy ra một vụ tai nạn giao thông.

- Trong một bài văn nghị luận:

“Truyện Kiều” của Nguyễn Du đã nêu cao một tư tưởng nhân đạo hết sức là cao đẹp.

Trả lời:

- Từ “hoàng hôn” dùng trong biên bản một vụ tai nạn giao thông (thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính) là không phù hợp với từ này thường dùng cho văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. Cần thay bằng “buổi chiều”, hoặc có thể bỏ hẳn vì đã có thời điểm (lúc 17h30).

- Cụm từ “hết sức là” thường dùng trong phong cách ngôn ngữ sinh hoạt. Đây là văn bản nghị luận nên dùng cụm từ này là không phù hợp với phong cách. Cần thay bằng “rất” hoặc “với cùng” có ý nghĩa chỉ mức độ tương ứng.

b) Hãy nhận xét về các từ ngữ thuộc ngôn ngữ nói trong phong cách ngôn ngữ sinh hoạt trong đoạn trích *Chí Phèo* của Nam Cao (SGK trang 67).

Trả lời:

- Các từ xưng hô: "bẩm", "cụ", "con".

- Các thành ngữ: "trời tru đất diệt", "thước đất cắm dùi".

Soạn bài Những yêu cầu về sử dụng Tiếng Việt - Ngữ văn lớp 10

- Các từ ngữ mang sắc thái khẩu ngữ: "sinh ra", "có dám nói gian", "quả", "về làng về nước", "chả làm gì nên ăn",...

II. Sử dụng hay đạt hiệu quả giao tiếp cao.

1. Trong câu tục ngữ “Chết đứng còn hơn sống quỳ”, các từ “đứng” và “quỳ” được sử dụng theo nghĩa như thế nào? Việc sử dụng như thế làm cho câu tục ngữ có tính hình tượng và giá trị biểu cảm ra sao?

Trả lời:

- “Đứng” và “quỳ” nghĩa đen dùng để biểu thị các tư thế của thân thể con người.

- Trong câu tục ngữ, các từ “đứng” và “quỳ” được dùng với nghĩa chuyên, theo lối ẩn dụ để biểu hiện nhân cách, phẩm giá. “Chết đứng” là chết một cách hiên ngang, có khí phách, “sống quỳ” là sống quỵ lụy, hèn nhát.

- Phép chuyển nghĩa này đã cụ thể hóa những điều trừu tượng, vì vậy cách diễn đạt trở nên hình tượng và biểu cảm.

2. Phân tích hiệu quả biểu đạt của việc dùng ẩn dụ và so sánh trong câu sau:

"Chúng ta luôn nằm trong chiếc nôi xanh của cây cối, đó là cái máy điều hòa khí hậu vĩ đại của chúng ta"

Trả lời:

Các cụm từ “chiếc nôi xanh”, “cái máy điều hòa khí hậu” để biểu thị cây cối nhưng mang tính hình tượng và biểu cảm hơn. Chiếc nôi và cái máy điều hòa khí hậu đều là những vật thể mang lại những lợi ích cho con người. Dùng chúng để biểu hiện cây cối khiến cho câu văn vừa mang tính cụ thể, hình tượng vừa tạo được cảm xúc thẩm mỹ.

3. Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Hồ Chí Minh viết:

“Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”

(Hồ Chí Minh toàn tập - NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000)

Hãy phân tích giá trị nghệ thuật của phép điệp, phép đối, của nhịp điệu trong những câu văn trên.

Trả lời:

Soạn bài Những yêu cầu về sử dụng Tiếng Việt - Ngữ văn lớp 10

Đoạn văn dùng phép điệp, phép đối đồng thời có nhịp điệu khỏe khoắn, mạnh mẽ tạo cho lời kêu gọi âm hưởng hùng hồn vang dội, tác động mạnh mẽ đến người đọc, người nghe.

III. Luyện tập

Câu 1. Lựa chọn những từ ngữ viết đúng trong các trường hợp sau (SGK, tr. 68)

bàn hoàng/ bàng hoàng; chất phát/ chất phác; bàn quang/ bàng quang; lãng mạn/ lãng mạng, hưu trí/ hưu trí; uống riệu/ uống rượu; trau truốt/ chau chuốt; lòng làn/ nồng nàn; đẹp đẽ/ đẹp đẻ; chắc chẻ/ chặt chẽ.

Trả lời:

Những từ ngữ viết đúng là: *bàng hoàng; chất phác; bàng quang; lãng mạn; hưu trí; uống rượu; trau chuốt; nồng nàn; đẹp đẽ; chặt chẽ.*

Câu 2: Phân tích tính chính xác và tính biểu cảm của từ “lốp” (thay cho từ “hạng”) và của từ “sẽ” (thay cho từ phải) trong bản thảo di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (trong bản thảo di chúc, lúc đầu dùng các từ “hạng”, “phải” sau đó gạch bỏ).

Trả lời:

- Từ "lốp" phân biệt người theo tuổi tác, thế hệ, không có nét nghĩa xấu nên phù hợp với câu văn này.

- Từ "hạng" phân biệt người theo phẩm chất xấu, tốt, mang nét nghĩa xấu khi dùng với người nên không phù hợp.

- Từ "phải" mang nét nghĩa bắt buộc, cưỡng bức nặng nề không phù hợp với sắc thái nghĩa nhẹ nhàng, vinh hạnh của việc "đi gặp các vị cách mạng đàn anh"

- Từ "sẽ" có nét nghĩa nhẹ nhàng phù hợp hơn. Do đó, câu văn này cần dùng từ "sẽ".

Câu 3: Phân tích chỗ đúng, sai của các câu trong đoạn văn và của đoạn văn

Trả lời:

Đoạn văn có các câu đều nói về tình cảm của con người trong ca dao, nhưng vẫn có những lỗi sau:

- Ý của câu đầu (nói về tình cảm nam nữ) và các câu sau (nói về những tình cảm khác) không nhất quán. Câu đầu nói về tình yêu nam nữ, những câu sau lại chỉ nói về những tình cảm khác.

Soạn bài Những yêu cầu về sử dụng Tiếng Việt - Ngữ văn lớp 10

- Quan hệ thay thế của đại từ "họ" ở câu 2 và câu 3 không rõ.
- Một số từ ngữ diễn đạt không rõ ràng.

Đoạn văn có thể chữa lại như sau:

Trong ca dao Việt Nam, những bài nói về tình yêu nam nữ là nhiều nhất nhưng số bài thể hiện những tình cảm khác cũng không phải ít. Những con người trong ca dao yêu gia đình, yêu cái tổ ấm cùng nhau sinh sống, yêu nơi chôn nhau cắt rốn. Họ yêu làng, yêu nước, yêu từ cảnh ruộng đồng đến công việc trong xóm, ngoài làng. Tình yêu đó nồng nhiệt, đậm thắm và sâu sắc.

Câu 4. Phân tích tính hình tượng và tính biểu cảm của câu văn sau:

Chị Sứ yêu biết bao nhiêu cái chón này, nơi chị đã oa oa cất tiếng khóc đầu tiên, nơi quả ngọt trái sai thắm hồng da dẻ chị.

(Theo Anh Đức - *Hòn đất*)

Trả lời:

Câu văn có tính hình tượng cụ thể và tính biểu cảm được tạo nên là nhờ:

- Dùng quán ngữ tình thái: "*biết bao nhiêu*".
- Dùng từ ngữ miêu tả âm thanh và hình ảnh: "*oa oa cất tiếng khóc đầu tiên*".
- Hình ảnh ẩn dụ: "*quả ngọt trái sai đã thắm hồng da dẻ chị*".

Câu văn được tổ chức một cách mạch lạc, mang tính chuẩn mực vừa có tính nghệ thuật cao.